TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
2. Ông Đỗ Văn Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn –Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1983.
Nơi cư trú: Khu phố 15, phường Mũi N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Công Th, sinh năm: 1980.
Nơi cư trú:Khu phố 15, phường Mũi N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND UBND phường Cam L, huyện Cam R, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 11/12/2003.

Sau cưới nhau, vợ chồng bà T sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau, xung đột, làm ảnh hưởng đến tâm lý các con, ông Th thường dùng vũ lực đánh đấm bà. Bà T đã cố gắng nhịn nhục bao nhiêu năm để nuôi con khôn lớn, để các con có cha có mẹ, nhưng từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Th và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Công Th.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Công Yến N, sinh ngày 19/3/2002, Nguyễn Công Tường V, sinh ngày: 20/7/2004 và Nguyễn Công V1 sinh ngày 13/12/2010.

Sau khi ly hôn, bà Tuyết yêu cầu được nuôi 2 con Nguyễn Công Tường V, Nguyễn Công V và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa bà T xin rút yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung.

Riêng con Nguyễn Công Yến N đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Công Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Th chỉ đến Tòa một lần và làm bản tự khai, sau đó cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa bà T, ông T đã trầm trọng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Công T và giao 02 con chung tên Nguyễn Công Tường V, Nguyễn Công V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Công Th, ông Th có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú là khu phố 15, phường Mũi N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Công Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Th chỉ đến Tòa án một lần để viết bản tự khai, sau đó thì không đến Tòa án nữa. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem như ông Th đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành xét xử vắng mặt ông Thành.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng:Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công Th có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 11/12/2003 tại UBND phường Cam L, huyện Cam R, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Th là hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.Qua lời khai của bà T, cũng như bản khai của ông Th không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, chung sống với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, ông bà đã tự sống xa nhau từ tháng 03/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th có đến Tòa trình bày ý kiến, tuy nhiên Tòa án cũng tạo điều kiện triệu tập ông Th đến hòa giải để ông bà hàn gắn tình cảm, nhưng ông Th vắng mặt, như vậy ông Th đã tự khước từ việc hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, ông T không muốn hòa giải tình cảm với bà T nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Công Yến N, sinh ngày 19/3/2002, Nguyễn Công Tường V, sinh ngày: 20/7/2004 và Nguyễn Công V, sinh ngày 13/12/2010. Hiện nay 02 cháu Nguyễn Công Tường V và Nguyễn Công V đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Công Yến , sinh ngày 19/3/2002, Nguyễn Công Tường V, sinh ngày: 20/7/2004 sau khi ly hôn. Xét yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải bảo đảm đời sống của các cháu được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Tuyết giao hai con chung tên Nguyễn Công Tường V,

sinh ngày: 20/7/2004 và Nguyễn Công V, sinh ngày 13/12/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Riêng con Nguyễn Công Yến N đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung đối với ông Nguyễn Công Th, việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Do bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T, yêu cầu nuôi con chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Công Th.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Công Tường V, sinh ngày: 20/7/2004 và Nguyễn Công V, sinh ngày 13/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng con Nguyễn Công Yến Nđã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chưa thành niên, các con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: bà T xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung đối với ông Nguyễn Công Th, việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung*:* Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16/6/2021 bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0004079 nay được chuyển sang án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (19/01/2022), quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự*;
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận;*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết;*
- *UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Yến Linh